TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2026.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Thanh Hà.

2/ Bà Phan Thị Hồng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 -Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên**.**

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại Cơ sở 2 Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 785/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Lệ Q, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 260 đường D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Hoán T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 260 đường D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn Bà Lâm Lệ Q trình bày:

Bà Lâm Lệ Q và ông Trần Hoán T quen biết, tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/7/2002.

Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, ông bà thường xuyên mâu thuẫn, tranh cãi, bất đồng quan điểm sống, do tính cách khác biệt nhau, ông bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng không chấm dứt dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông bà đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng mâu thuẫn nặng nề, không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Lâm Lệ Q xin được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Trần Hoán T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Lâm Lệ Q và ông Trần Hoán T có 02 con chung tên là Trần Tuệ S (nữ) – sinh ngày 03/8/2003 và Trần Tuệ K (nữ) – sinh ngày 14/12/2006 (2 con đều đã thành niên).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, Bà Lâm Lệ Q không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn - Ông Trần Hoán T: Vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai đề nghị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với Ông Trần Hoán T.

Bị đơn Ông Trần Hoán T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau*:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như trình tự thủ tục tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Được thể hiện đầy đủ tại bài phát biểu số 192/PB-VKS-HNGĐ ngày 07/5/2026.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, 227, 228, 244, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Lâm Lệ Q được ly hôn với Ông Trần Hoán T.

2. Về con chung: 02 con đã thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí do nguyên đơn phải chịu theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại phường B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định.

- Ông Trần Hoán T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Lệ Q và Ông Trần Hoán T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/7/2002 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, sau khi đăng ký kết hôn Ông Trần Hoán T và Bà Lâm Lệ Q thường xuyên cự cãi, xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều ý kiến bất đồng, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và cũng từ năm 2017 thì Bà Lâm Lệ Q và Ông Trần Hoán T đã không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc gia đình. Nay Bà Lâm Lệ Q xác định không còn tình cảm với Ông Trần Hoán T, nên bà yêu cầu được ly hôn với Ông Trần Hoán T.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với quan hệ vợ chồng giữa ông bà thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ 2017 cho đến nay, vì vậy yêu cầu được ly hôn của Bà Lâm Lệ Q có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Lệ Q trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các căn cứ trên và lời trình bày của đương sự, thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Bà Lâm Lệ Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lâm Lệ Q.
Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Lệ Q được ly hôn với Ông Trần Hoán T.

2. Về con chung: Có 02 con chung, tên là Trần Tuệ S (nữ) – sinh ngày 03/8/2003 và Trần Tuệ K (nữ) – sinh ngày 14/12/2006 (2 con đều đã thành niên).

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/7/2002 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Lệ Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0044539 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lâm Lệ Q đã đóng đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9

của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 3;
- Thi hành án DS TP.HCM;
- UBND p. B, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TAND KHU VỰC 3



MTQ080526.TL.QDBA
4186

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Sang